

THÔNG TƯ

**Bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh
và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành.

Điều 1. Bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật

1. Bãi bỏ toàn bộ các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, liên tịch ban hành tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bãi bỏ một phần các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2022.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Văn phòng Bộ, các đơn vị quản lý nhà nước thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /*VB*

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND, Sở LĐTBXH các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Bộ LĐTBXH: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các đơn vị có liên quan;
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Vụ PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Văn Thanh



Phụ lục I

LƯỚI MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BẢO BẢO TOÀN BỘ

*Kèm theo Thông tư số **18** /2022/TT-BLĐTBXH ngày **30** tháng **9** năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

I. Lĩnh vực Quan hệ lao động và Tiền lương

1. Thông tư số 28/2005/TT-LĐTBXH ngày 04/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương và phụ cấp lương đối với công nhân, nhân viên, viên chức xây dựng 05 công trình thủy điện.

2. Thông tư số 12/2007/TT-LĐTBXH ngày 02/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương và phụ cấp lương đối với công nhân, nhân viên, viên chức xây dựng công trình thủy điện.

3. Thông tư số 37/2009/TT-LĐTBXH ngày 16/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ ăn giữa ca đối với công nhân, viên chức xây dựng công trình thủy điện Sơn La.

4. Thông tư số 03/2011/TT-BLĐTBXH ngày 29/01/2011 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương và phụ cấp lương đối với công nhân, viên chức xây dựng công trình thủy điện Lai Châu và Đồng Nai 5.

5. Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương đối với người lao động trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương.

II. Lĩnh vực Việc làm

1. Thông tư số 23/2014/TT-BLĐTBXH ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 03/2014/NĐ-CP ngày 16/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về việc làm

2. Thông tư số 07/2015/TT-BLĐTBXH ngày 25/02/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 196/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định thành lập và hoạt động của trung tâm dịch vụ việc làm và Nghị định số 52/2014/NĐ-CP ngày 23/5/2014 của Chính phủ quy định điều kiện thủ tục cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.

3. Thông tư số 16/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 75/2014/NĐ-CP ngày 28/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi

hành một số điều của Bộ luật Lao động về tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

4. Thông tư số 40/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 11/2016/NĐ-CP ngày 03/02/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

5. Thông tư số 44/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn chính sách đào tạo nghề nghiệp, tạo việc làm cho người chấp hành xong án phạt tù.

III. Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội

1. Thông tư số 58/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội.

2. Thông tư số 23/2016/TT-BLĐTBXH ngày 15/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng theo Nghị định số 55/2016/NĐ-CP ngày 15/06/2016 của Chính phủ.

3. Thông tư số 42/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội.

4. Thông tư số 18/2017/TT-BLĐTBXH ngày 30/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hàng tháng quy định tại các khoản 1, 2, 3 và khoản 8 điều 1 Nghị định số 76/2017/NĐ-CP ngày 30/6/2017 của Chính phủ.

5. Thông tư số 32/2017/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội.

6. Thông tư số 35/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội.

IV. Lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước

1. Thông tư liên bộ số 24/TT-LB ngày 19/9/1994 của liên Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điểm trong Thông tư liên Bộ số 12/TT-LB ngày 03/8/1992 của liên Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số chế độ đối với người đi hợp tác lao động đã về nước.

2. Thông tư liên tịch số 08/2007/TTLT-BLĐTBXH-BTP ngày 11/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn chi tiết một số vấn đề nội dung hợp đồng bảo lãnh cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

3. Thông tư liên tịch số 16/2007/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 04/9/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể về tiền môi giới và tiền dịch vụ trong hoạt động đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

4. Thông tư liên tịch số 11/2008/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 21/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước.

5. Thông tư liên tịch số 32/2013/TTLT-BLĐTBXH-BNG ngày 06/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao hướng dẫn trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b và điểm c khoản 2 Điều 35 của Nghị định số 95/2010/NĐ-CP ngày 22/8/2013 của Chính phủ.

V. Lĩnh vực Giảm nghèo

1. Thông tư số 02/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn quy trình xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020.

2. Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

3. Thông tư số 14/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020.

VI. Lĩnh vực Trẻ em

Thông tư số 29/2008/TT-BLĐTBXH ngày 28/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn việc cấp, quản lý và sử dụng thẻ khám bệnh, chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi không phải trả tiền tại các cơ sở y tế công lập.

VII. Lĩnh vực Người có công

1. Thông tư số 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung xác nhận và thực hiện chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

2. Thông tư số 36/2015/TT-BLĐTBXH ngày 28/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.

3. Thông tư liên tịch số 28/2013/TTLT-BLĐTBXH-BQP ngày 22/10/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Quốc

phòng về hướng dẫn xác nhận liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh trong chiến tranh không còn giấy tờ.

4. Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 03/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình đối với người có công với cách mạng và thân nhân; quản lý các công trình ghi công liệt sĩ.

VIII. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội

1. Thông tư số 21/2010/TT-BLĐTBXH ngày 05/8/2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành Quy chế quản lý, tư vấn, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện ma túy tại Trung tâm Quản lý sau cai nghiện và Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục - Lao động xã hội.

2. Thông tư số 34/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 33/2010/TT-BLĐTBXH ngày 01/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số điều của Nghị định số 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy về trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện ma túy.

3. Thông tư liên tịch số 41/2010/TTLT-BLĐTBXH-BYT ngày 31/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quy trình cai nghiện cho người nghiện ma túy tại các Trung tâm Chữa bệnh – Giáo dục – Lao động xã hội và cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện.

IX. Lĩnh vực khác

Thông tư số 03/2013/TT-BLĐTBXH ngày 19/02/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong ngành Lao động - Thương binh và Xã hội. VB



Phụ lục II

PHỤ LỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BÃI BỎ MỘT PHẦN

(Chỉnh sửa) Thông tư số 18 /2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

I. Lĩnh vực Người có công

Mục 1, Mục 2, Mục 3, Mục 4, Mục 5, Mục 6 Chương I; Điều 24, khoản 1 Điều 26 Mục 7 Chương I; Mục 8, Mục 9, Mục 10, Mục 11, Mục 12 Chương I; Chương II; Điều 52, Điều 53 Chương III Thông tư số 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về hướng dẫn hồ sơ, trình tự thủ tục thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.

II. Lĩnh vực quản lý lao động ngoài nước, việc làm

Điều 8, Điều 9 Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. *18*